

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HS-ST
Ngày: 13 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Trương Thị Bích Tuyên;
2. Trần Thị Thúy Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lâm Văn D, sinh năm 1957, tại thành phố Châu Đốc; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 27, khóm H, phường T, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn L (đã chết) và bà Phạm Ngọc H (đã chết), vợ Nguyễn Thị E, sinh năm 1958; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1991;

Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xử phạt vi phạm hành chính lần nào và không có án tích;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/01/2019 cho đến nay.

2. **Đặng Văn Nh**, sinh năm 1971, tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 19, khóm Q, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Th (đã chết) và bà Hồ Thị H; vợ Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979(đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2009;

Tiền án- tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/01/2019 cho đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Văn T, sinh năm 1960, nơi cư trú: Tổ 14, khóm V, phường D, thành phố E; ông T vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Danh Thị Th, sinh năm 1993; bà Th vắng mặt tại phiên tòa.
- Phan Thanh T, sinh năm 1993; bà T vắng mặt tại phiên tòa.
- Lưu Quang V, sinh năm 1982; ông V vắng mặt tại phiên tòa.
- Trần Văn T1, sinh năm 1987; ông T1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2019, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, lực lượng Công an thành phố Châu Đốc phối hợp với Công an phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, đến khu vực khóm H, phường T, thành phố D kiểm tra phát hiện, bắt quả tang Đặng Văn Nh, thu giữ 06(sáu) đoạn ống hút nhựa trong suốt, hàn kín, chứa chất bột màu trắng (nghi Heroin). Nh khai, Heroin do Lâm Văn D đưa Nh cất giấu, để bán lại cho người nghiện;

Mở rộng, khám xét khẩn cấp nơi cư trú của dũng tại tổ 27, khóm H, phường T, thành phố D thu giữ 01(một) bọc nylon trong suốt, có một đầu bóp, viên màu trắng, bên trong có 05 đoạn ống hút nhựa trong suốt, hàn kín, chứa chất bột màu trắng(Heroin), D cất giấu trong túi phía trước, bên trái đang mặc; 02(hai) bọc nylon trong suốt, có một đầu bóp, viên màu đỏ, chứa chất bột màu trắng(Heroin), đựng trong bao thuốc lá hiệu Jet, D cất giấu trong túi quần bên phải đang mặc, cùng dụng cụ phân chia ma túy;

Vật chứng thu giữ:

- Của Đặng Văn Nh: 06(sáu) đoạn ống hút nhựa, trong suốt, hàn kín, chứa chất bột màu trắng(nghi Heroin); 01 xe đạp; 01 điện thoại, nhãn hiệu Iphone và 675.000đồng;

- Của Lâm Văn D: 05(năm) đoạn ống hút nhựa trong suốt, hàn kín, chứa chất bột màu trắng; 02 bọc nylon trong suốt, có một đầu bóp, viên màu đỏ, chứa chất bột màu trắng(nghi heroin); 01 điện thoại di động, hiệu Nokia; 01 lược lam, nhãn hiệu BIG; 01 cây nhíp kim loại trắng; 01 cây kéo; 03 cọc nylon trong suốt; 03 đoạn ống hút nhựa trong suốt, hàn kín một đầu và bậc lửa gaz;

Căn cứ kết luận giám định số 03/KLGT-PC09 ngày 09/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, ghi nhận:

- Phong bì số 1 (thu giữ của Đặng Văn Nh): mẫu M1; M2 gửi đến giám định là ma túy, loại Heroin, tổng khối lượng 0,1971 gam;

- Phong bì số 2 (thu giữ của Lâm Văn D): mẫu M3; M4 gửi đến giám định là ma túy, loại Heroin, tổng khối lượng 3,7778 gam;

Ngày 09 tháng 01 năm 2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Lâm Văn D và Đặng Văn Nh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Quá trình điều tra, các bị cáo khai:

- Bị cáo Đặng Văn Nh khai nhận: Số ma túy mà Cảnh sát điều tra Công an thành phố thu giữ là của Lâm Văn D đưa cho bị cáo mang đi bán cho người nghiện ma túy tên V số lượng 01(một) tép với giá 90.000đồng, trên đường đi thì bị bắt quả tang; Ngoài ra, bị cáo còn bán cho nhiều người khác.

- Bị cáo Lâm Văn D khai: Bản thân không nghề nghiệp, lại nghiện ma túy nhiều năm nay, để có ma túy sử dụng mỗi ngày, nên D bắt đầu tham gia bán ma túy khoảng 30 ngày cho đến khi bị bắt, nguồn ma túy bị cáo mua của người tên Huỳnh Văn T tổng cộng 03(ba) lần mỗi lần cách nhau khoảng 07(bảy) ngày, mỗi lần mua 4.000.000đồng, địa điểm giao nhận khu đất trống khóm H, phường T, thành phố D, sau khi mua ma túy, bị cáo mang về sử dụng và phân chia thành nhiều tép nhỏ bán cho nhiều người nghiện lấy tiền vốn và sử dụng ma túy cho đến hết, việc mua bán ma túy với người nghiện chủ yếu liên lạc qua điện thoại. Đối với việc nhờ bị cáo Nh bán ma túy, thì bị cáo chỉ trả công bằng cách cho Nh ma túy sử dụng mỗi ngày khoảng 03 (ba) tép. Đến ngày 01/01/2019, bị cáo D đưa cho Nh 07(bảy) tép ma túy mang đi bán bán, trong đó bán cho người nghiện tên V 01 tép giá 90.000đồng chưa kịp tiêu thụ thì bị bắt giữ;

Cáo trạng số 65/CT-VKSCĐ ngày 06/8/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố các bị cáo Lâm Văn D; Đặng Văn Nh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Lâm Văn D khai nhận đã mua bán ma túy như nội dung cáo trạng đã truy tố; Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Đặng Văn Nh khai nhận, do nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, nên tham gia bán ma túy cho D; phương thức bán ma túy do D đưa ma túy và chỉ điểm cho bị cáo đi giao ma túy cho người mua, bán ma túy cho D không trả công mà D cho ma túy sử dụng; Bị cáo Nh không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai những người được tòa án triệu tập tham gia phiên tòa vắng mặt;

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng - người trực tiếp mua ma túy của các bị cáo, phù hợp

với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, cũng như vật chứng được thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó, có cơ sở xác định, các bị cáo đã nhiều lần có hành vi mua bán ma túy trái phép cho nhiều người nghiện nên giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xét về đồng phạm, đây là một vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành. Trong đó, bị cáo Lâm Văn D giữ vai trò chính, trực tiếp mua, bán và giao ma túy cho bị cáo Nh thực hiện tội phạm.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước; gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, khi lượng hình, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đối với các bị cáo về sự thành khẩn khai báo, quá trình điều tra đã tự thú khai nhận đối với những lần mua bán ma túy trước đó; các bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong đó bị cáo D là bộ đội xuất ngũ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s và t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm r, s và t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lâm Văn D từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù.
- Xử phạt bị cáo Đặng Văn Nh từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chưa có nghề nghiệp ổn định, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy và các đồ vật dùng vào việc sử dụng ma túy của các bị cáo mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ;
- Tịch 02(hai) điện thoại di động; xe đạp và số tiền 90.000đồng trong số tiền 675.000đồng thu giữ của Nh để sung quỹ Nhà nước; Hoàn trả cho Đặng Văn Nh 585.000đồng;

Đối với Lưu Quang V, Trần Văn T1 đã có hành vi mua ma túy của bị cáo D để sử dụng, cơ quan điều tra đã đề nghị xử phạt vi phạm hành chính. Nên không đề cập xem xét.

Đối với Huỳnh Văn T là người mà D khai đã mua ma túy để bán lại. Tuy nhiên, T không thừa nhận và chưa đủ cơ sở quy kết T đã bán ma túy cho D nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố tiếp tục điều tra sẽ xử lý sau.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thành phố Châu Đốc tội phạm thực hiện thuộc khoản 2 Điều 251 có mức hình phạt đến 15 năm tù nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

[1.2] Về hành vi những người tiến hành tố tụng: Trong giai đoạn điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành Châu Đốc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên không xem xét.

[1.3] Về sự vắng mặt người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người chứng kiến vắng mặt. Xét, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người chứng kiến đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt tại phiên tòa, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, một lần nữa các bị cáo khai đã bán ma túy cho rất nhiều người là dân tộc Chăm, nên không biết họ và tên, trong đó có Lưu Quang V, Trần Văn T1 đồng thời khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo với lời khai của những người làm chứng; Người nghiện ma túy - trực tiếp mua ma túy từ các bị cáo để sử dụng, trong đó có Lưu Quang V; Trần Văn T1 và những người chứng kiến vụ việc được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp nhau về khoảng thời

gian, địa điểm cũng như cách thức mua bán, loại ma túy và giá tiền mà các bị cáo đã bán;

Ngoài ra, diễn biến, nội dung của vụ án và hành vi mà các bị cáo đã thực hiện còn phù hợp với các nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa như: Kết luận giám định số 03/KLGT-PC09(MT) ngày 09/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, ghi nhận: Mẫu phong bì số 1: M1, M2 gửi đến giám định là ma túy loại Heroin, có tổng khối lượng 0,197gam; phong bì số 2: M3, M4 gửi đến giám định là ma túy, loại Heroin, có tổng khối lượng 3,7778gam; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản xác định vật chứng; vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ liên quan khác có trong hồ sơ vụ án;

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định, các bị cáo đã có hành vi nhiều lần mua và bán ma túy cho nhiều người nghiện, trong đó có: Lưu Quang V, Trần Văn Teo; các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán ma túy là vi phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết phạm tội 02 lần trở lên; mua bán với 02 người trở lên được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2018.

[2.2] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Ma túy là chất gây nghiện, là nguyên nhân làm suy giảm sức khỏe, suy thoái nòi giống. Tệ nạn ma túy còn được xem là nguyên nhân đã làm biết bao gia đình đổ nát, đưa người nghiện vào con đường sa đọa, suy đồi đạo đức, làm phát sinh các tệ nạn xã hội, làm lan truyền đại dịch HIV/AIDS và còn là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác nên Nhà nước độc quyền quản lý, đồng thời nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây tác động xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Xét, cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tạo điều kiện để các bị cáo nhận thức sâu sắc hơn về hành vi đã thực hiện, phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa;

[2.3] Về đồng phạm:

Đây là vụ án có đồng phạm, thuộc trường hợp giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, không có sự câu kết, phân công, bàn bạc, phân chia lợi ích trong việc thực hiện tội phạm. Trong đồng phạm, bị cáo D giữ vai trò chính, trực tiếp mua ma túy về phân nhỏ, trực tiếp lại cho những người nghiện, cũng như trực tiếp hưởng lợi (được ma túy sử dụng) từ việc thực hiện tội phạm nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo D có phần nặng hơn bị cáo Nh.

[2.4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tự thú về các hành vi phạm tội đã thực hiện trước đó; chưa có tiền án, tiền sự, mới phạm tội lần đầu, bị cáo D là bộ đội xuất ngũ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét áp dụng khi lượng hình, quyết định hình phạt đối với các bị cáo như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa.

Về tình tiết “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự. Thấy rằng các bị cáo chỉ khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình trước đó, cùng trong quá trình điều tra giải quyết của vụ án và được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; việc tích cực khai báo của các bị cáo chỉ nằm trong phạm vi của vụ án, nên không có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa.

[2.5] Hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Nhận thấy, các bị cáo chưa có nghề nghiệp ổn định, thuộc thành phần lao động, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2.6] Xử lý vật chứng:

- 01(một) phong bì số 1 vụ 03/KLGT-PC09(MT) ngày 09/01/2019, bên ngoài có in dấu tròn màu đỏ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc, các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà; Nguyễn Đăng Khoa; Ôn Văn Thuận bên trong có chứa **lượng ma túy là vật cấm lưu hành**; xét tịch thu tiêu hủy;

- Xe đạp, 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone 4, màu đen, mặt trước mặt sau bị bể, số Imei 01283900957602 (đã qua sử dụng); 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen, model 105, số seri 359971/05/096189/4 liên quan trực tiếp với việc thực hiện tội phạm; Xét tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- Số tiền 675.000đồng thu giữ của bị cáo Nh, có đủ cơ sở xác định trong đó có 90.000đồng là tiền do V mua ma túy, số tiền còn lại không liên quan đến việc phạm tội; xét tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 90.000đồng, trả lại cho bị cáo 585.000đồng;

- 01(một) phong bì số 2 vụ 03/KLGT-PC09(MT) ngày 09/01/2019, bên ngoài có in dấu tròn màu đỏ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu

Độc, các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà; Nguyễn Đăng Khoa; Ôn Văn Thuận bên trong có chứa lượng ma túy là vật cấm lưu hành; xét tịch thu tiêu hủy;

- 01(một) lưỡi lam hiệu Bic đã qua sử dụng; 01 (một) cây nhíp bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng; 01(một) cây kéo bằng kim loại màu trắng(loại kéo y tế) đã qua sử dụng; 03(ba) bọc nylon trong suốt; 01(một) hột quẹt ga màu xanh lá. Do không còn giá trị sử dụng; Xét tịch thu tiêu hủy.

[2.7] Những vấn đề khác:

Đối với lời khai của bị cáo D về việc mua ma túy của Huỳnh Văn T, nhưng T không thừa nhận, cơ quan cảnh sát điều tra đang tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Đối với Lưu Quang V, Trần Văn T1 đã có hành vi mua ma túy để sử dụng, cơ quan điều tra đã đề nghị Công an thành phố Châu Đốc đề nghị xử lý hành chính là phù hợp nên không đề cập trong vụ án.

[3] Án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 17; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Tuyên bố các bị cáo: Lâm Văn D và Đặng Văn Nh phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Xử phạt: Bị cáo Lâm Văn D 08 (tám) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo D được tính kể từ ngày 01/01/2019 (Ngày một tháng một năm hai nghìn không trăm mười chín).

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn Nh 07 (bảy) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo Nh được tính kể từ ngày 01/01/2019 (Ngày một tháng một năm hai nghìn không trăm mười chín).

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy: 01(một) phong bì số 1 vụ 03/KLGT-PC09(MT) ngày 09/01/2019, bên ngoài có in dấu tròn màu đỏ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc, các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà; Nguyễn Đăng Khoa; Ôn Văn Thuận bên trong có chứa lượng ma túy;

- Tịch thu tiêu hủy: 01(một) phong bì số 2 vụ 03/KLGT-PC09(MT) ngày 09/01/2019, bên ngoài có in dấu tròn màu đỏ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc, các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà; Nguyễn Đăng Khoa; Ôn Văn Thuận bên trong có chứa lượng ma túy;

- Tịch thu tiêu hủy: 01(một) lưỡi lam hiệu Bic đã qua sử dụng; 01 (một) cây nhíp bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng; 01(một) cây kéo bằng kim loại màu trắng(loại kéo y tế) đã qua sử dụng; 03(ba) bọc nylon trong suốt; 01(một) hột quẹt ga màu xanh lá.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: (01) xe đạp, 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone 4, màu đen, mặt trước mặt sau bị bể, số Imei 01283900957602 (đã qua sử dụng); 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen, model 105, số seri 359971/05/096189/4;

- Sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 90.000(chín mươi ngàn đồng) trong số tiền 675.000đồng;

- Trả lại cho bị cáo Nh số tiền 585.000 (năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự Châu Đốc).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lâm Văn D, Đặng Văn Nh, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo D, bị cáo Nh có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ; Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Đức

